TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 716/2025/DS-ST
Ngày 09-9-2025
V/v Tranh chấp hợp
đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Xuân Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Bé

2. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên Tòa: Bà Bùi Thị Thu - Kiểm Sát Viên

Ngày 09 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 212/2025/TLST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2025/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 174/2025/QĐST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2025 giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP T; Địa chỉ: Toà nhà TPBank, số 57, L, phường T, quận H, TP Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh P - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành T – Phó phòng Phụ trách Phòng Tố tụng Xử lý nợ- Trung tâm Xử lý nợ 2- Khối Xử lý và Thu hồi nợ của TPBank; Ông T ủy quyền lại: Ông Lê Nhất T – Chuyên viên chính; Ông Thạch Trung H – Chuyên viên tố tụng; Địa chỉ liên lạc: Tầng 11, số 81 H, Phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: 2.1/ Ông Nguyễn Xuân V, sinh năm: 1970; Đăng ký thường trú: Số 621/11/1A, N, phường H, Quận X (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Số 27A, Đ, ấp X, xã T, huyện C (nay là xã T), Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

2.2/ Bà Đặng Thị L, sinh năm 1981; Đăng ký thường trú: Số 621/11/1A, N, phường H, Quận X (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên lạc: Số 27A, Đ, ấp X, xã T, huyện C (nay là xã T), Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 04/01/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 13/10/2016, Ngân hàng TMCP T – Chi nhánh Hùng Vương (gọi tắt là TPBank) ký Hợp đồng cho vay số 251/2016/HDTD/TTB MN2/01 với ông Nguyễn Xuân V và bà Đặng Thị L (gọi là khách hàng). Cụ thể: Số tiền cho vay là: 320.000.000 đồng (ba trăm hai mươi triệu đồng); mục đích: Vay mua xe ô tô; thời hạn: 72 tháng (từ ngày 13/10/2016 đến ngày 13/10/2022); lãi suất áp dụng kể từ ngày nhận nợ cho đến ngày 13/04/2018 là 8.2%/năm, lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo đến ngày 13/10/2022: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần và bằng lãi suất cơ ở 03 tháng của TPBank tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4.55%/năm.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, đến ngày 09/09/2025 khách hàng đã thanh toán được tổng số tiền là: 231.319.084 đồng, trong đó: nợ gốc là 159.999.984 đồng, nợ lãi là 71.319.100 đồng. Tính đến ngày 09/09/2025, khách hàng còn nợ TPBank số tiền là: 350.220.635 đồng, trong đó: nợ gốc: 160.000.016 đồng, nợ lãi trong hạn: 5.035.334 đồng, nợ lãi quá hạn: 185.185.285 đồng.

Ngày 21/05/2018, Ngân hàng TMCP T – Chi nhánh Hùng Vương (gọi tắt là TPBank) ký Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số: 1016/2018/HDTD/TTB MN2/01 với ông Nguyễn Xuân V và bà Đặng Thị L (gọi là khách hàng). Cụ thể: Số tiền cho vay là: 1.012.000.000 đồng (một tỉ không trăm mười hai triệu đồng); mục đích: Vay mua xe ô tô nhãn hiệu Kia Grand Sedona YP 22D ATH số tiền 1.000.000.000 đồng (trong đó số tiền vay theo sản phẩm là 943.000.000 VND; vay tăng thêm theo phụ lục 07 là 57.000.000 đồng) và vay thanh toán phí bảo hiểm An tâm tín dụng số tiền 12.000.000 đồng; thời hạn: Đối với số tiền 955.000.000 đồng (gồm: 943.000.000 đồng + 12.000.000 đồng) 72 tháng; đối với số tiền 57.000.000 đồng là 36 tháng.

Về lãi suất: Đối với số tiền 955.000.000 đồng (gồm: 943.000.000 đồng + 12.000.000 đồng): Lãi suất áp dụng kể từ ngày 23/05/2018 cho đến ngày 22/05/2019 là 8.9%/năm; lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần và bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng*của TPBank tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4.3%/năm. Đối với số tiền 57.000.000 đồng: Lãi suất tiết kiệm 12 tháng (*) + biên độ 15.3%, điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, đến ngày 09/09/2025 khách hàng đã thanh toán được tổng số tiền là: 364.296.434 đồng, trong đó: nợ gốc là 237.555.552 đồng, nợ lãi là 126.740.882 đồng. Đến ngày 09/09/2025, khách hàng còn nợ TPBank số tiền là: 1.682.520.220 đồng, trong đó: nợ gốc: 774.444.448 đồng, nợ lãi trong hạn: 25.088.225 đồng, nợ lãi quá hạn: 882.987.547 đồng.

Tổng dư nợ các khoản vay tính đến ngày 09/09/2025 gồm: Nợ gốc: 934.444.464 đồng; Nợ lãi trong hạn: 30.123.559 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1.068.172.832 đồng. Tổng cộng là 2.032.740.855 đồng.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay: Ngày 13/10/2016, Ngân hàng TMCP T– chi nhánh Hùng Vương đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 251/2016/HDBD/TTB MN2/01 với ông Nguyễn Xuân V và bà Đặng Thị L. Theo Hợp đồng thế chấp này, ông Nguyễn Xuân V và bà Đặng Thị L đã tự nguyện thế chấp tài sản đảm bảo là: Xe ô tô Nhãn hiệu KIA, màu xe: Trắng, số khung: RNYTC51A4C088676, số máy: G4LAFP145581, biển kiểm soát: 51F-932.44. Theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 206346, do Công an Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 06/10/2016 đứng tên Nguyễn Xuân V.

Ngày 21/05/2018, Ngân hàng TMCP T – chi nhánh Hùng Vương đã ký Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 1016/2018/HDTD/TTB MN2/01 với ông Nguyễn Xuân V và bà Đặng Thị L. Theo Hợp đồng thế chấp này, ông Nguyễn Xuân V và bà Đặng Thị L đã tự nguyện thế chấp tài sản đảm bảo là: Xe ô tô Nhãn hiệu Kia Grand Sedona YP 22D ATH, màu xe: Trắng, số khung: RNYYH52A6JC124641, số máy: D4HBJH854581, biển kiểm soát: 51G-175.90; theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 369571, do Công an Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 19/05/2018 đứng tên Nguyễn Xuân V.

Sau khi giải ngân và đến kỳ thanh toán thì ông Nguyễn Xuân V và bà Đặng Thị L đã thanh toán cho TPBank số tiền tổng cộng là 595.615.518 đồng; trong đó số tiền gốc đã trả là 397.555.536 đồng, số tiền lãi đã trả 198.059.982 đồng. Tuy nhiên, từ ngày 05/10/2019 đến nay, khách hàng không thanh toán cho TPBank khoản nợ nào. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, TPBank đã nhiều lần gọi điện đôn đốc, gửi Thông báo thu hồi nợ quá hạn, khởi kiện yêu cầu thực hiện nghĩa vụ đã cam kết nhưng không thực hiện. Việc ông Nguyễn Xuân V và bà Đặng Thị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của TPBank nên TPBank tiến hành thủ tục khởi kiện để thu hồi nợ.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Xuân V và bà Đặng Thị L có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nợ theo các Hợp đồng tính dụng trên, tính đến ngày 09/9/2025 tổng cộng là 2.032.740.855 đồng (hai tỉ không trăm ba mươi hai triệu bảy trăm bốn mươi nghìn tám trăm năm mươi lăm đồng), trong đó bao gồm: Nợ gốc là: 934,444,464 đồng, nợ lãi trong hạn là: 30.123.559 đồng, nợ lãi quá hạn: 1.068.172.832 đồng.

Buộc ông Nguyễn Xuân V và bà Đặng Thị L thanh toán phần nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn, lãi phạt theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng nêu trên kể từ ngày 10/09/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Sau khi Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn Xuân V và bà Đặng Thị L không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của các khoản vay nói trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng, cụ thể tài sản đảm bảo là: Xe ô tô Nhãn hiệu Kia, màu xe Trắng, số khung: RNYTC51A4C088676, số máy:

G4LAFP145581, biển kiểm soát: 51F-932.44, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 206346, do Công an Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 06/10/2016 đứng tên Nguyễn Xuân V và xe ô tô Nhãn hiệu Kia Grand Sedona YP 22D ATH, màu xe: Trắng, số khung: RNYYH52A6JC124641, số máy: D4HBJH854581, biển kiểm soát: 51G-175.90, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 369571, do Công an Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 19/05/2018 đứng tên Nguyễn Xuân V. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ ông Nguyễn Xuân V và bà Đặng Thị L đối với nguyên đơn. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Nguyễn Xuân V và bà Đặng Thị L vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

Các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu của mình gồm: Đơn khởi kiện; Bản tự khai; Hợp đồng thế chấp; Hợp đồng cho vay ngày 13/10/2016, Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 13/10/2016; Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 13/10/2016; Hợp đồng cho vay ngày 21/5/2018; Giấy uỷ quyền số 782 ngày 20/11/2023; Giấy uỷ quyền số 05 ngày 18/10/2023; Hồ sơ pháp lý của ngân hàng: Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp, Điều lệ Ngân hàng; Thông báo thu hồi nợ và khởi kiện; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 51F-932.44, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 51G-175.90; Đơn yêu cầu đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 22/5/2018; Giấy chứng nhận Đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 13/10/2016; Thông báo số 67696 ngày 13/10/2016 về việc thế chấp phương tiện giao thông; Biên bản bàn giao kiêm phụ lục hợp đồng ngày 29/5/2018; Phụ lục số 04 ngày 22/5/2018; Chứng minh nhân dân + Sổ hộ khẩu, Giấy chứng nhận kết hôn (photo) của bị đơn; Căn cước công dân của ông Đỗ Minh P, Nguyễn Thành T, Lê Nhất T; Bảng chi tiết lãi tính đến ngày 09/9/2025.

Bị đơn ông Nguyễn Xuân V, bà Đặng Thị L đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án; Thông báo mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ mà vẫn vắng mặt; do đó, Tòa quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt họ. Ông V, bà L không cung cấp bất cứ tài liệu chứng cứ gì.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên Tòa:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử và tại phiên Tòa, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, đại diện Viện kiểm sát kiến nghị Tòa án khắc phục vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Căn cứ vào toàn bộ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; căn cứ các Điều 280, 299, 317, 320 của Bộ luật dân sự 2015 và các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng; chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; buộc ông Nguyễn Xuân V và bà Đặng Thị L có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nợ theo các Hợp đồng tính dụng trên, tính đến ngày 09/9/2025 tổng cộng là 2.032.740.855 đồng (hai tỉ không trăm ba mươi hai triệu bảy trăm bốn mươi nghìn tám trăm năm mươi lăm đồng), trong đó bao gồm: Nợ

gốc là: 934,444,464 đồng, nợ lãi trong hạn là: 30.123.559 đồng, nợ lãi quá hạn: 1.068.172.832 đồng. Trường hợp ông V, bà L không thanh toán nợ hoặc không thanh toán đủ nợ, thì nguyên đơn được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo theo các Hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa các bên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao; xét thấy bị đơn có nơi cư trú tại xã Tân An Hội, huyện Củ Chi (nay là xã Tân An Hội), Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt; Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Xuân V, bà Đặng Thị L trả số tiền tổng cộng tính đến ngày xét xử là 2.032.740.855 đồng (hai tỉ không trăm ba mươi hai triệu bảy trăm bốn mươi nghìn tám trăm năm mươi lăm đồng), trong đó bao gồm: Nợ gốc là 934,444,464 đồng, nợ lãi trong hạn là 30.123.559 đồng, nợ lãi quá hạn 1.068.172.832 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, yêu cầu ông V, bà L phải tiếp tục chịu các khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay, phụ lục hợp đồng và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ cho đến khi ông V, bà L trả dứt nợ cho nguyên đơn.

Trong trường hợp ông V, bà L không thanh toán nợ hoặc không thanh toán đủ, đề nghị Cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm là: 01 xe ô tô nhãn hiệu Kia, màu xe trắng, số khung: RNYTC51A4C088676, số máy: G4LAFP145581, biển kiểm soát: 51F-932.44, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 206346, do Công an Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 06/10/2016 đứng tên Nguyễn Xuân Vinh và 01 xe ô tô nhãn hiệu Kia Grand Sedona YP 22D ATH, màu xe: trắng, số khung: RNYYH52A6JC124641, số máy: D4HBJH854581, biển kiểm soát: 51G-175.90, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 369571, do Công an Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 19/05/2018 đứng tên Nguyễn Xuân V.

[2.1] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập được có cơ sở xác định:

Vào ngày 13/10/2016, ông Nguyễn Xuân V, bà Đặng Thị L đã thoả thuận ký Ngân hàng TMCP T – Chi nhánh Hùng Vương (gọi tắt là TPBank) hợp đồng tín dụng số 251/2016/HDTD/TTB MN2/01, để vay vốn tại TPBank số tiền 320.000.000 đồng, chi tiết các thoả thuận (về số tiền vay, mục đích vay, thời hạn vay, lãi suất…) như phía TPBank trình bày trong quá trình tố tụng là đúng. Hợp đồng tín dụng trên được đảm bảo bằng xe ô tô nhãn hiệu Kia, màu xe: Trắng, số khung: RNYTC51A4C088676, số máy: G4LAFP145581, biển kiểm soát: 51F-932.44, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 206346, do Công an Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 06/10/2016 đứng tên ông Nguyễn Xuân Vinh; ông Vinh và bà Liễu đã thế chấp cho TPBank theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 251/2016/HDBD/TTB MN2/01 ngày 13/10/2016 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 13/10/2016.

Quá trình thực hiện hợp đồng, đến ngày 09/09/2025, bị đơn đã thanh toán được tổng số tiền là: 231.319.084 đồng, trong đó: nợ gốc là 159.999.984 đồng, nợ lãi là 71.319.100 đồng. Tính đến ngày 09/09/2025, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là: 350.220.635 đồng, trong đó: nợ gốc: 160.000.016 đồng, nợ lãi trong hạn: 5.035.334 đồng, nợ lãi quá hạn: 185.185.285 đồng; như nguyên đơn trình bày là đúng.

Vào ngày 21/05/2018, ông Nguyễn Xuân V, bà Đặng Thị L đã thoả thuận ký với Ngân hàng TMCP T – Chi nhánh Hùng Vương (gọi tắt là TPBank) hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số: 1016/2018/HDTD/TTB MN2/01; để vay vốn tại TPBank số tiền 1.012.000.000 đồng (trong đó số tiền vay theo sản phẩm là 943.000.000 VND; vay tăng thêm theo phụ lục 07 là 57.000.000 đồng) và vay thanh toán phí bảo hiểm An tâm tín dụng số tiền 12.000.000 đồng, chi tiết các thoả thuận (về số tiền vay, mục đích vay, thời hạn vay, lãi suất…) như phía TPBank trình bày trong quá trình tố tụng là đúng. Hợp đồng tín dụng trên được đảm bảo bằng xe ô tô Nhãn hiệu Kia Grand Sedona YP 22D ATH, màu xe: Trắng, số khung: RNYYH52A6JC124641, số máy: D4HBJH854581, biển kiểm soát: 51G-175.90, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 369571, do Công an Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 19/05/2018 đứng tên ông Nguyễn Xuân V và đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 22/5/2018.

Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 09/09/2025, phía bị đơn đã thanh toán được tổng số tiền là: 364.296.434 đồng, trong đó: nợ gốc là 237.555.552 đồng, nợ lãi là 126.740.882 đồng. Tính đến ngày 09/09/2025, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là: 1.682.520.220 đồng, trong đó: nợ gốc: 774.444.448 đồng, nợ lãi trong hạn: 25.088.225 đồng, nợ lãi quá hạn: 882.987.547 đồng; như nguyên đơn trình bày là đúng.

Đến ngày 09/09/2025, dư nợ các khoản vay tổng cộng là 2.032.740.855 đồng; bao gồm: Nợ gốc: 934.444.464 đồng; nợ lãi trong hạn: 30.123.559 đồng; nợ lãi quá hạn: 1.068.172.832 đồng; như nguyên đơn yêu cầu là đúng. Phía nguyên đơn đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng bị đơn không có thiện chí trả nợ, đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Bị đơn đã được Toà án đã triệu tập hợp lệ đến Toà để giải quyết vụ kiện nhưng không đến và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất cứ tài liệu, chứng

cứ chứng minh có liên quan đến vụ kiện. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ căn cứ theo các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp và chứng cứ mà Tòa thu thập được theo quy định.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông V, bà L cùng liên đới có trách nhiệm trả nợ. Xét thấy, các Hợp đồng tín dụng vay tiền, Hợp đồng thế chấp tài sản đảm bảo do ông V, bà L cùng vay, cùng thế chấp tài sản đảm bảo. Do đó đây là khoản nợ chung của vợ chồng ông V, bà L. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu ông V, bà L cùng có trách nhiệm trả nợ là có cơ sở.

[2.3] Về lãi, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn; xét thấy, số tiền lãi trong hạn, quá hạn theo yêu cầu của nguyên đơn là đúng và phù hợp quy định pháp luật.

[2.4] Xét thấy Hợp đồng thế chấp tài sản số 251/2016/HDBD/TTB MN2/01 ngày 13/10/2016, có đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 13/10/2016 và hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số: 1016/2018/HDTD/TTB MN2/01 ngày 21/05/2018, đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 22/5/2018 giữa các bên là hợp pháp và phù hợp quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên; căn cứ vào các Điều 280, 299, 317, 320 của Bộ luật dân sự 2015; căn cứ vào khoản 2 Điều 91, khoản 1 khoản 4 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo quyết định số 7698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận; cần buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền tổng cộng là 2.032.740.855 đồng; bao gồm: Nợ gốc: 934.444.464 đồng; lãi trong hạn: 30.123.559 đồng; lãi quá hạn: 1.068.172.832 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn phải trả lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng vay cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay. Trong trường hợp bị đơn không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ, thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định.

[3] Về phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên Tòa về việc giải quyết vụ án; đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xét thấy, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Hội đồng xét xử ghi nhận kiến nghị của đại diện Viện Kiểm sát về việc kiến nghị Toà án vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và rút kinh nghiệm.

[4] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 280, 299, 317, 320 của Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ vào các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo quyết định số 7698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Căn cứ vào các Điều 6, 7a, 7b, 26, 30, 31 và 32 của Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T về việc yêu cầu ông Nguyễn Xuân V và bà Đặng Thị L trả số tiền nợ tổng cộng tính đến ngày xét xử là 2.032.740.855 đồng (hai tỉ không trăm ba mươi hai triệu bảy trăm bốn mươi nghìn tám trăm năm mươi lăm đồng).

[2.1] Buộc ông Nguyễn Xuân V và bà Đặng Thị L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Tiên P số tiền nợ tổng cộng tính đến ngày 09/9/2025 là (hai tỉ không trăm ba mươi hai triệu bảy trăm bốn mươi nghìn tám trăm năm mươi lăm đồng).

Trong đó bao gồm: Nợ gốc: 934.444.464 đồng (chín trăm ba mươi bốn triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm sáu mươi bốn đồng); lãi trong hạn: 30.123.559 đồng (ba mươi triệu một trăm hai mươi ba nghìn năm trăm năm mươi chín đồng); lãi quá hạn: 1.068.172.832 đồng (một tỉ không trăm sáu mươi tám triệu một trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm ba mươi hai đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông V và bà L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[2.3] Trường hợp ông Nguyễn Xuân V và bà Đặng Thị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP T có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm là: 01 xe ô tô nhãn hiệu Kia, màu xe: Trắng, số khung: RNYTC51A4C088676, số máy: G4LAFP145581, biển kiểm soát: 51F-932.44, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 206346, do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/10/2016 đứng tên Nguyễn Xuân Vinh và 01 xe ô tô Nhãn hiệu Kia Grand Sedona YP 22D ATH, màu xe: Trắng, số khung: RNYYH52A6JC124641, số máy: D4HBJH854581, biển kiểm soát: 51G-175.90, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 369571, do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/05/2018, đứng tên Nguyễn Xuân V.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm là 72.654.817 đồng (bảy mươi hai triệu sáu trăm năm mươi bốn nghìn tám trăm mười bảy đồng) buộc ông Nguyễn Xuân V và bà Đặng Thị L phải nộp.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP T số tiền tạm ứng án phí là 31.771.961 đồng (ba mươi mốt triệu bảy trăm bảy mươi mốt nghìn chín trăm sáu mươi mốt đồng) theo biên lai thu tiền số 0022116 ngày 04/04/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết, tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận**:*
- Toà án nhân dân Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Tp.HCM;
- Thi hành án dân sự Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Xuân Lan